TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NH** **TỈNH KH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 3 năm 2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NH, TỈNH KH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chung

Bà Lê Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Kim Kúc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã NH, tỉnh KH.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã NH, tỉnh KH tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã NH, tỉnh KH xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 650/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05B/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thu Th, sinh năm: 1992

Nơi cư trú: Tổ dân phố 3, ĐH, phường NH, thị xã NH, tỉnh KH. Vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Phạm Trọng T, sinh năm 1993

Nơi cư trú: Thôn Lam Sơn, xã NS, thị xã NH, tỉnh KH. vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn bà Nguyễn Thu Th trình bày: Bà và ông Phạm Trọng T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2017 đến năm 2018 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NS. Quá trình chung sống, ông bà đã có với nhau một con chung là Phạm Quốc Th1, sinh ngày 25/11/2017. Thời gian chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì vợ chồng thường xuyên kình cãi, tình cảm vợ chồng không còn nên bà và ông T sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay tình cảm vợ chồng không còn, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho

bà được ly hôn với ông Phạm Trọng T.

Về con chung: Bà xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung chưa thành niên và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Phạm Trọng T: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục triệu tập, xác minh, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án đối với ông T nhưng ông T không đến Tòa án để giải quyết vụ án và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không thu thập được lời khai và ý kiến của ông Phạm Trọng T đối với các vấn đề cần giải quyết của vụ án.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập được gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Giấy khai sinh Phạm Quốc Th1 (bản sao); Căn cước công dân Nguyễn Thu Th (bản sao); biên bản xác minh tình trạng hôn nhân; biên bản xác minh hộ khẩu thường trú của ông Phạm Trọng T; biên bản niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã NH, tỉnh KH phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Nguyễn Thu Th được ly hôn với ông Phạm Trọng T; Về con chung: Bà Th xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là Phạm Quốc Th1, sinh ngày 25/11/2017 và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận; Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn ông Phạm Trọng T, cư trú tại: Thôn LS, xã NS, thị xã NH, tỉnh KH nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã NH, tỉnh KH theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thu Th và ông Phạm Trọng T tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã NS cấp giấy chứng nhận kết hôn số 25, ngày 04 tháng 5 năm 2018 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì vợ chồng thường xuyên kình cãi, tình cảm vợ chồng không còn nên bà Th và ông T sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Bà Th xác định không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu được ly hôn với ông; bị đơn ông Phạm Trọng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án, chứng tỏ ông T có thái độ bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ gia đình với bà Th. Như vậy, có thể thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Th và ông T đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, dân chủ, hòa thuận và bền vững không đạt được; yêu cầu xin ly hôn của bà Th là hoàn T tự nguyện và phù hợp khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thu Th và ông Phạm Trọng T có một con chung chưa thành niên là Phạm Quốc Th1, sinh ngày 25/11/2017. Bà Th xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung chưa thành niên Phạm Quốc Th1, sinh ngày 25/11/2017 và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, yêu cầu của bà Th là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thu Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thu Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã NH là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thu Th được ly hôn ông Phạm Trọng T.

1.2. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Phạm Quốc Th1, sinh ngày 25/11/2017 cho bà Nguyễn Thu Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Bà Th không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thu Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thu Th phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Th đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005127 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã NH. Bà Nguyễn Thu Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. *Quy định chung*: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh KH;
- VKSND thị xã NH;
- Chi cục THADS thị xã NH;
- UBND xã NS (GCNKH số 25 ngày 04/5/2018);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Viết Trung